

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009**

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

- **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
- **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây dựng số 8 theo quyết định số 2052/QĐ-BXD ngày 27/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103003024 ngày 06 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/10/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0301443407 thay đổi lần thứ 10 ngày 16/07/2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.393.500.000 đồng, được chia thành 9.039.350 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 400/5 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế 500KV, hệ thống điện công nghiệp, hệ thống điện điều khiển, hệ thống điện lạnh, điều hòa không khí, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước (không xử lý tại trụ sở), vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.
- Sản xuất, mua bán cấu kiện cơ khí, nhà tiền chế, vật tư, vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Sản xuất sản phẩm mộc dân dụng (trừ chế biến gỗ).
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp (trừ thiết kế công trình).
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Xây dựng công trình dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
- Sản giao dịch bất động sản
- Môi giới bất động sản, định giá bất động sản.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc gồm:

- Ban điều hành Đà Nẵng nay là Tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng.

Và các Công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính gồm:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở chính
<i>I</i>	<i>Công ty con</i>	
1	Công ty TNHH một thành viên Phúc Bình	Áp 3A, Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
2	Công ty TNHH một thành viên Hưng Thịnh	Số 70, đường Trần Hưng Đạo, Thị trấn Đức Phong, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
3	Công ty TNHH một thành viên DV Bất động sản Phú Ninh	11A Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
4	Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Phúc An	45 Hai Bà Trưng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
5	Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Phúc Hưng	Lô 49, Khu đô thị mới Hưng Phú, phường Hưng Phú, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ
6	Công ty TNHH Du lịch Phúc Khê	2 Trần Hưng Đạo, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
7	Công ty TNHH một thành viên Thiết kế và Tư vấn Xây dựng Phúc Khánh	400/5 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
8	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng & Kinh doanh vật tư số Tám	400/5 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
9	Công ty Cổ phần Cơ giới xây lắp Liên Lạc Địa	194 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
10	Công ty Cổ phần Kiến Lập	Lô 001 Chung Cư 94, Trần Khắc Chân, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
<i>II</i>	<i>Công ty liên kết</i>	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thiên Hòa	Số 55, đường Lý Thường Kiệt, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là 31.006.871.605 đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 16.254.448.990 đồng

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Huỳnh Hữu Phước	Chủ tịch
Ông :	Trần Thanh Kỳ	Thành viên
Ông :	Đình Văn Sửu	Thành viên
Ông :	Ngô Hải Thanh	Thành viên
Ông :	Nguyễn Tâm Tiến	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Huỳnh Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Thanh Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Ngô Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Bà :	Vũ Thị Hậu	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà :	Phùng Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/05/2009
Ông :	Hoàng Văn Lợi	Thành viên	
Ông :	Lương Vinh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/05/2009

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám đốc *HP*



Huỳnh Hữu Phước



Số : 107/2010/BC.TC-AASC.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 được lập ngày 12 tháng 04 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến:*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên*

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết đã được nêu trong các báo cáo kiểm toán như sau:

#### *\* Tại Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng số 8:*

- Trong năm 2009, các công trình sau đây gồm: Đường Bạch Đằng Tây, Nhà Biều diễn đa năng, Cải tạo đường Duy Tân, Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng đã được nghiệm thu và quyết toán với chủ đầu tư nhưng tại Tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng vẫn còn theo dõi số dư trên tài khoản 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" số tiền là: 20.649.182.340 đồng. Số tiền này đã được văn phòng Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi và hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư, doanh thu và giá vốn được ước tính và ghi nhận theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ.

- Một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khả năng thu hồi thấp chưa được đơn vị trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Tại tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng chưa tiến hành phân bổ một số công cụ dụng cụ vào chi phí giá trị ước tính là 2.859.094.864 đồng và chưa tiến hành đối chiếu công nợ phải thu, phải trả.

\* *Tại Công ty TNHH một thành viên Phúc Bình:*

- Đơn vị không thực hiện kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ làm cơ sở xác định giá vốn hàng bán trong kỳ và giá trị tồn kho cuối kỳ. Giá thành sản phẩm nhập kho được xác định theo giá kế hoạch.

\* *Tại Công ty Cổ phần Cơ giới xây lắp Liên Lạc Địa:*

- Giá vốn khối lượng hoàn thành trong kỳ của hợp đồng xây dựng được xác định bằng chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm cuối năm sau khi trừ đi giá trị khối lượng thực hiện dở dang cuối năm qua bằng xác nhận của bộ phận kỹ thuật. Tuy nhiên chúng tôi không được cung cấp cơ sở tính toán ghi nhận chi phí sản phẩm dở dang tại ngày 31/12/2009.
- Một số hoạt động cho thuê máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, khách hàng đã xác nhận khối lượng nhưng chưa thu được tiền, đơn vị tạm ghi nhận doanh thu trên tài khoản "thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng".

\* *Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thiên Hòa:*

- Đơn vị chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu xác nhận công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả khác tại ngày 31/12/2009.
- Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho vào ngày 31/12/2009. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được chính xác số lượng cũng như tình trạng của hàng tồn kho và tính đúng đắn của các số dư này tại thời điểm nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2010

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC).**



**ĐUỖ VĂN THẢO**  
Chứng chỉ KTV số : 0522/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN QUANG HUY**  
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
100	<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>		<b>1.676.981.875.761</b>	<b>1.316.263.792.246</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	9.170.167.320	6.572.877.421
111	1. Tiền		9.170.167.320	6.572.877.421
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		200.000.000	550.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	VI.2	200.000.000	550.000.000
130	III. Các khoản phải thu		1.140.508.865.255	741.398.735.261
131	1. Phải thu của khách hàng		127.948.491.429	200.656.833.002
132	2. Trả trước cho người bán		89.281.818.325	44.936.011.226
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		61.312.641.678	62.134.377.048
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		864.402.987.956	424.542.505.236
135	5. Các khoản phải thu khác	VI.3	27.292.208.017	15.239.343.521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	VI.4	(29.729.282.150)	(6.110.334.772)
140	IV. Hàng tồn kho	VI.5	507.208.028.708	549.185.295.489
141	1. Hàng tồn kho		507.208.028.708	549.185.295.489
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.894.814.478	18.556.884.075
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.484.590.637	59.037.248
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		275.837.482	198.392.318
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	VI.6	57.643.698	385.930.153
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	VI.7	18.076.742.661	17.913.524.356
200	<b>B. Tài sản dài hạn</b>		<b>79.436.975.979</b>	<b>89.254.454.361</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		56.735.053.798	56.306.330.424
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.8	20.785.584.059	26.025.081.608
222	- Nguyên giá		49.164.941.373	51.783.028.993
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.379.357.314)	(25.757.947.385)
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.9	9.498.495.287	9.593.944.291
228	- Nguyên giá		9.987.312.100	9.987.312.100
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(488.816.813)	(393.367.809)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.10	26.450.974.452	20.687.304.525
240	III. Bất động sản đầu tư	VI.11	10.599.475.806	10.821.942.186
241	- Nguyên giá		11.123.318.865	11.123.318.865
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(523.843.059)	(301.376.679)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6.120.379.967	8.598.972.672
251	1. Đầu tư vào công ty con	VI.12	100.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	VI.13	3.448.950.967	3.333.879.286
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VI.14	2.571.429.000	5.265.093.386
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.982.066.408	13.527.209.079
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.15	5.574.917.458	12.748.804.064
268	3. Tài sản dài hạn khác	VI.16	407.148.950	778.405.015
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.756.418.851.740</b>	<b>1.405.518.246.607</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
300	<b>A. Nợ phải trả</b>		<b>1.573.625.415.802</b>	<b>1.223.301.167.135</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.357.564.699.795</b>	<b>995.247.955.580</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.17	345.819.542.373	377.684.145.860
312	2. Phải trả cho người bán		28.149.328.567	63.262.703.669
313	3. Người mua trả tiền trước		400.551.908.120	240.828.517.587
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.18	56.315.502.587	24.594.089.444
315	5. Phải trả người lao động		3.907.273.724	2.918.108.035
316	6. Chi phí phải trả	VI.19	324.905.663.568	99.154.434.261
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.20	197.915.480.856	186.805.956.724
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>216.060.716.007</b>	<b>228.053.211.555</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	VI.21	945.400.000	454.400.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.22	215.059.975.562	227.418.462.340
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		55.340.445	180.349.215
400	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>175.179.119.476</b>	<b>174.417.973.712</b>
410	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	VI.23	<b>169.126.107.543</b>	<b>166.250.330.058</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.393.500.000	90.393.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		32.854.000.000	32.854.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		31.768.632	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		752.259.757	431.872.757
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		28.803.336.285	28.326.481.633
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		36.793.879	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.254.448.990	14.244.475.668
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>6.053.011.933</b>	<b>8.167.643.654</b>
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.053.011.933	8.167.643.654
439	<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>7.614.316.462</b>	<b>7.799.105.760</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.756.418.851.740</b>	<b>1.405.518.246.607</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>			<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)		609.856.181	250.000.000
	5. Ngoại tệ các loại (USD)		962,52	-

Người lập biểu

*Trương Thiên Kim*

Trương Thiên Kim

Kế toán trưởng

*Hoàng Thị Hải Đăng*

Hoàng Thị Hải Đăng



12 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

SỐ 8

QUẬN BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH

0320114000

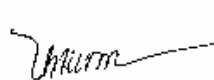
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.24	616.119.538.717	277.494.604.946
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		616.119.538.717	277.494.604.946
11	4. Giá vốn hàng bán	VII.25	518.841.327.731	215.216.321.307
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.278.210.986	62.278.283.639
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.26	1.478.079.960	1.041.181.352
22	7. Chi phí tài chính	VII.27	920.080.824	1.787.314.747
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		854.675.617	487.893.368
24	8. Chi phí bán hàng		4.532.004.628	4.966.109.527
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		46.529.404.983	37.333.817.592
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.774.800.511	19.232.223.125
31	11. Thu nhập khác	VII.28	7.774.598.114	10.371.640.427
32	12. Chi phí khác	VII.29	11.218.816.595	9.977.885.450
40	13. Lợi nhuận khác		(3.444.218.481)	393.754.977
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	VII.30	570.032.107	605.346.676
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.900.614.137	20.231.324.778
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.31	12.543.183.356	4.521.809.573
52	17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.357.430.781	15.709.515.205
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		350.559.176	683.151.751
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		31.006.871.605	15.026.363.454
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.32	3.430	1.662

Người lập biểu

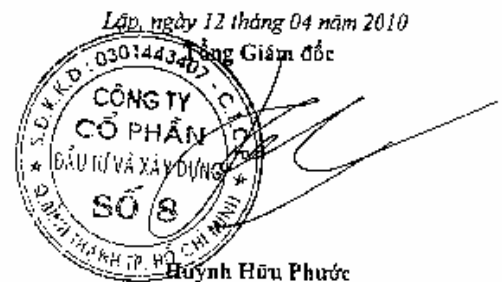
Kế toán trưởng





Trương Thiên Kim

Hoàng Thị Hải Đăng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

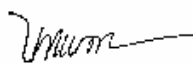
Năm 2009

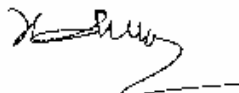
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		862.776.569.979	280.419.057.006
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(681.701.658.203)	(305.129.381.387)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.646.149.628)	(23.410.537.295)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(89.797.858.953)	(77.486.625.407)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.965.959.708)	(390.187.681)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.515.833.678	6.108.577.093
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.748.108.390)	(71.478.103.236)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>50.432.668.775</b>	<b>(191.367.200.907)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(4.114.029.913)	(13.327.548.435)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		983.676.190	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		350.000.000	100.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(328.810.685)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.836.581.053	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.472.967.704	512.010.975
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.200.384.349</b>	<b>(13.015.537.460)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.097.213.997
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(412.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		221.107.576.465	376.650.304.370
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(265.330.666.730)	(193.304.186.615)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.813.598.307)	(17.122.026.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(49.036.688.572)</b>	<b>167.909.305.752</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>2.596.364.552</b>	<b>(36.473.432.615)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.572.877.421	43.046.310.036
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		925.347	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>9.170.167.320</b>	<b>6.572.877.421</b>

Người lập biểu

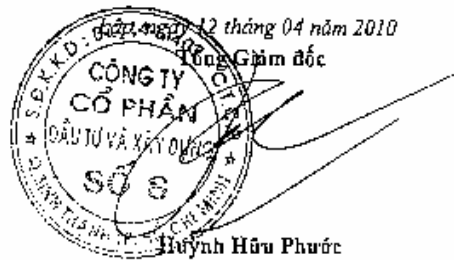
Kế toán trưởng





Trương Thiên Kim

Hoàng Thị Hải Đăng



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 được chuyển đổi từ DNNN Công ty Xây dựng số 8 theo quyết định số 2052/QĐ-BXD ngày 27/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103003024 ngày 06 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là 90.393.500.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế 500KV, hệ thống điện công nghiệp, hệ thống điện điều khiển, hệ thống điện lạnh, điều hòa không khí, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước (không xử lý tại trụ sở), vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.
- Sản xuất, mua bán cấu kiện cơ khí, nhà tiền chế, vật tư, vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở), sản phẩm mộc dân dụng (trừ chế biến gỗ).
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp (trừ thiết kế công trình).
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Xây dựng công trình dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
- Sản giao dịch bất động sản
- Môi giới bất động sản, định giá bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại: 400/5 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. HCM

Công ty có các đơn vị thành viên, các công ty con, công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát
<b><u>Đơn vị hạch toán phụ thuộc</u></b>		
Tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng	55 Lý Thường Kiệt, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng	

**Công ty con**

Công ty CP Cơ giới Xây lắp Liên Lạc Địa	194 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	67,44%
Công ty TNHH một thành viên Phúc Bình	ấp 3A, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	100%
Công ty Cổ phần Kiến Lập	001 Chung Cư 94, Trần Khắc Chân, P.9, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.	54,34%
Công ty TNHH Hưng Thịnh	Áp 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	100%
Công ty TNHH một thành viên DV Bất động sản Phú Ninh	11A Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	100%
Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Phúc An	45 Hai Bà Trưng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	100%
Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Phúc Hưng	Lô 49, Khu đô thị mới Hưng Phú, phường Hưng Phú, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Du lịch Phúc Khê	2 Trần Hưng Đạo, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	60%
Công ty TNHH một thành viên Thiết kế và Tư vấn Xây dựng Phúc Khánh	400/5 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	100%
Công ty TNHH một thành viên Xây dựng & Kinh doanh vật tư số tám	400/5 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	100%

**Công ty liên kết**

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Hòa	55 Lý Thường Kiệt, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	34,06%
---	---	--------

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 31.334.769.069 đồng

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là: 15.929.586.380 đồng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông : Huỳnh Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT
Ông : Trần Thanh Kỳ	Thành viên
Ông : Đinh Văn Sửu	Thành viên
Ông : Nguyễn Tâm Tiến	Thành viên
Ông : Ngô Hải Thanh	Thành viên

### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông : Huỳnh Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông : Trần Thanh Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Ngô Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

### Các thành viên của Ban Kiểm soát

Bà : Vũ Thị Hậu	Trưởng ban	
Ông : Hoàng Văn Lợi	Thành viên	
Ông : Lương Vinh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/05/2009
Bà : Phùng Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/05/2009

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 09 tháng 04 năm 2010

**Ban Tổng Giám đốc** *KL*  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Hữu Phước**



Số: 02. /2010/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 được lập ngày 09 tháng 04 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:*

- Trong năm 2009, các công trình sau đây gồm: Đường Bạch Đằng Tây, Nhà Biểu diễn đa năng, Cải tạo đường Duy Tân, Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng đã được nghiệm thu và quyết toán với chủ đầu tư nhưng tại Tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng vẫn còn theo dõi số dư trên tài khoản 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" số tiền là: 20.649.182.340 đồng. Số tiền này đã được văn phòng Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi và hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư, doanh thu và giá vốn được ước tính và ghi nhận theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ.
- Một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khả năng thu hồi thấp chưa được đơn vị trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Tại tổ quyết toán các dự án Đà Nẵng chưa tiến hành phân bổ một số công cụ dụng cụ vào chi phí giá trị ước tính là 2.859.094.864 đồng và chưa tiến hành đối chiếu công nợ phải thu, phải trả.



***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2010*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

**GIÁM ĐỐC**



**BÙI VĂN TIỂU**

*Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV*

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN QUANG HUY**

*Chứng chỉ KTV số: 1126/KTV*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
100	<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>		<b>1.641.972.799.248</b>	<b>1.292.955.961.525</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>5.683.030.043</b>	<b>2.571.622.101</b>
111	1. Tiền		5.683.030.043	2.571.622.101
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>300.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	-	300.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>1.161.506.774.934</b>	<b>775.807.784.786</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		125.886.971.364	195.004.113.242
132	2. Trả trước cho người bán		139.214.823.606	84.651.654.325
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		61.312.641.678	62.134.377.048
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		835.413.460.215	421.156.846.356
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	28.863.300.193	18.360.628.829
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(29.184.422.122)	(5.499.835.014)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>457.875.976.956</b>	<b>496.859.379.050</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.5	457.875.976.956	496.859.379.050
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.907.017.315</b>	<b>17.417.175.588</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		45.315.100	49.637.248
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.6	16.861.702.215	17.367.538.340
200	<b>B. Tài sản dài hạn</b>		<b>86.314.019.578</b>	<b>85.394.571.902</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>29.266.081.382</b>	<b>27.038.941.516</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	4.016.150.119	6.310.217.133
222	- Nguyên giá		14.551.133.684	17.258.315.217
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.534.983.565)	(10.948.098.084)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	8.627.037.254	8.701.802.258
228	- Nguyên giá		8.973.312.100	8.973.312.100
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(346.274.846)	(271.509.842)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	16.622.894.009	12.026.922.125
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.10</b>	<b>10.599.475.806</b>	<b>10.821.942.186</b>
241	- Nguyên giá		11.123.318.865	11.123.318.865
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(523.843.059)	(301.376.679)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>42.352.520.140</b>	<b>42.200.861.599</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.11	37.182.908.190	34.337.766.505
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.12	2.598.182.950	2.598.001.708
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	2.571.429.000	5.265.093.386
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.095.942.250</b>	<b>5.332.826.601</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	3.833.954.600	4.912.043.951
268	3. Tài sản dài hạn khác		261.987.650	420.782.650
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.728.286.818.826</b>	<b>1.378.350.533.427</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
300	<b>A. Nợ phải trả</b>		<b>1.555.172.948.250</b>	<b>1.207.187.670.080</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.338.752.516.660</b>	<b>978.769.179.188</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	338.517.742.373	372.458.345.860
312	2. Phải trả cho người bán		28.391.186.532	58.388.199.847
313	3. Người mua trả tiền trước		393.285.932.277	239.466.206.964
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	54.958.843.055	21.011.636.037
315	5. Phải trả người lao động		1.785.949.124	2.017.786.484
316	6. Chi phí phải trả	V.17	324.267.789.760	98.218.984.486
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	197.545.073.539	187.208.019.510
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>216.420.431.590</b>	<b>228.418.490.892</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.19	1.360.456.028	860.456.028
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.20	215.059.975.562	227.418.462.340
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	139.572.524
400	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>173.113.870.576</b>	<b>171.162.863.347</b>
410	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>167.780.295.821</b>	<b>163.886.580.551</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.393.500.000	90.393.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		32.854.000.000	32.854.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		31.768.632	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		162.408.338	162.408.338
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		28.409.032.471	28.020.950.254
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.929.586.380	12.455.721.959
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>5.333.574.755</b>	<b>7.276.282.796</b>
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		5.333.574.755	7.276.282.796
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.728.286.818.826</b>	<b>1.378.350.533.427</b>

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>ĐVT</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	250.000.000	250.000.000
5. Ngoại tệ các loại	USD	962,52	-

Người lập biểu

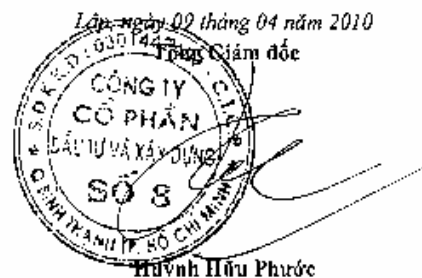
*Trương Thiên Kim*

Trương Thiên Kim

Kế toán trưởng

*Hoàng Thị Hải Đăng*

Hoàng Thị Hải Đăng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.22	588.548.232.283	292.582.320.273
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		588.548.232.283	292.582.320.273
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.23	503.171.544.026	245.371.662.464
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.376.688.257	47.210.657.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.24	2.879.717.320	2.126.483.267
22	7. Chi phí tài chính	VI.25	51.895.560	1.271.994.855
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	1.256.309.359
24	8. Chi phí bán hàng		517.466.150	2.643.655.313
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		40.609.061.122	31.508.169.555
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.077.982.745	13.913.321.353
31	11. Thu nhập khác	VI.26	6.798.989.817	9.975.928.769
32	12. Chi phí khác	VI.27	10.562.139.778	8.868.962.917
40	13. Lợi nhuận khác		(3.763.149.961)	1.106.965.852
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.314.832.784	15.020.287.205
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.28	11.980.063.715	2.563.065.246
52	16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>31.334.769.069</u>	<u>12.457.221.959</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Trương Thiên Kim*

*Hoàng Thị Hải Đăng*

Trương Thiên Kim

Hoàng Thị Hải Đăng

Lập ngày 09 tháng 04 năm 2010

Đã kiểm tra và Giám đốc



Trần Hữu Phước

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		824.289.090.811	300.842.251.691
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(664.448.374.802)	(341.489.355.323)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.178.234.941)	(12.378.249.211)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(88.985.476.336)	(76.822.305.334)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.477.499.297	3.463.137.073
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.572.704.000)	(60.199.579.991)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>53.581.800.029</b>	<b>(186.584.101.095)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(3.118.140.550)	(14.934.078.450)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		593.200.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.845.141.685)	(2.372.861.984)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.836.581.053	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.874.872.320	1.600.066.217
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>641.371.138</b>	<b>(16.006.874.217)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		207.551.591.228	366.810.304.370
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(253.850.681.493)	(185.589.986.615)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.813.598.307)	(16.582.362.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(51.112.688.572)</b>	<b>164.637.955.755</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>3.110.482.595</b>	<b>(37.953.019.557)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.571.622.101	40.524.641.658
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		925.347	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<b>5.683.030.043</b>	<b>2.571.622.101</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Trương Thiên Kim*

*Hoàng Thị Hải Đăng*

Trương Thiên Kim

Hoàng Thị Hải Đăng

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2010



Giám đốc

Phước Hữu Phước